

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HNGĐ – ST.

Ngày: 27-6-2018

V/v: Ly hôn giữa chị T và anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thúy Kiên

2. Bà Thái Ánh Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Điều Khắc Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ.

- Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc “*tranh chấp xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980.

Nơi đăng ký HKTT: khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: ấp D, xã Đ, huyện E, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01-3-2018 và trong quá trình xét xử, tranh tụng tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do mai mối và được gia đình hai bên chấp thuận nên chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2000, hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Cần Thơ (cũ) vào ngày 24-10-2003. Thời gian đầu chung sống gia đình đầm ấm, hạnh

phúc nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do từ năm 2010 anh H thay đổi tính tình, phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài nên thường bỏ nhà đi từ 4 đến 7 tháng mới về nhà một lần và lần cuối cùng anh H bỏ nhà đi là từ năm 2015, do đó chị và anh H chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân anh H không qua nhà và cũng không liên lạc về gia đình nên vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H và nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài nên chị kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh H chung sống có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Thị Kiều M1, sinh ngày 14-6-2001, Nguyễn Thị Quỳnh M2, sinh ngày 04-11-2003 và Nguyễn Thị Lệ M3, sinh ngày 03-3-2010, hiện chị H đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Thị Quỳnh M2 và Nguyễn Thị Lệ M3 cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Thị Kiều M1 tính đến thời điểm xét xử đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh H không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11-6-2018 và trong quá trình xét xử bị đơn Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất ý kiến trình bày của chị Nguyễn Thị T về thời gian chung sống, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, cũng như về thời gian sống ly thân. Nhưng về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị T trình bày là có phần đúng, phần không đúng. Anh thừa nhận bản thân anh thường bỏ nhà đi lâu mới về nhà một lần nên ít quan tâm, lo lắng đến vợ con, nhưng anh không có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài như chị T trình bày. Nguyên nhân anh bỏ nhà đi là vì buồn chuyện nợ nần của gia đình, nên anh bỏ đi lên thành phố Hồ Chí Minh để lo làm ăn kiếm tiền về trả nợ, chăm lo cho gia đình, nhưng do khi đi anh không nói cho chị T biết là đi đâu và làm gì, nên chị T ghi ngờ rồi ghen tuông vô cớ. Từ khi bỏ nhà đi cho đến nay anh cũng ít về nhà để thăm vợ con. Do anh và chị T ly thân đã lâu nên hiện nay anh cũng không còn tình cảm với chị T, nhưng qua yêu cầu xin ly hôn của chị T thì anh không đồng ý ly hôn, lý do là vì anh muốn kéo dài thời gian vụ án.

Về con chung: Anh và chị T chung sống có 03 (ba) con chung như chị T trình bày. Trường hợp Tòa án chấp nhận cho ly hôn anh đồng ý giao hai con chung Nguyễn Thị Quỳnh M2 và Nguyễn Thị Lệ M3 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Thị Kiều M1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh thống nhất trong thời gian chung sống anh và chị T không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo hợp lệ đến các đương sự về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để động viên các đương sự bỏ qua mâu thuẫn, trở về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc

gia đình nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý thỏa thuận nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ ý kiến như trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, không bổ sung gì thêm.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh M2, sinh ngày 04-11-2003 và Nguyễn Thị Lệ M3, sinh ngày 03-3-2010 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh H không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Thị Kiều M1, sinh ngày 14-6-2001 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Xét tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt lần hai không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt anh H là phù hợp.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (*giấy chứng nhận kết hôn số 191 ngày 24/10/2003 – bút lục 01*) nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và chị T có đơn xin ly hôn đối với anh H nên Tòa án thụ lý xem xét, giải quyết theo quy định tại các Điều 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014 là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân chị T yêu cầu xin ly hôn là do trong quá trình chung sống anh H thường xuyên bỏ nhà đi không báo cho chị biết và cũng không quan tâm, chăm sóc gì đến vợ con nên hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ. Nhiều lần chị cũng cho anh H cơ hội để sửa đổi tính tình nhưng anh H vẫn không thay đổi, nên từ khi sống ly thân 2015 cho đến nay anh H cũng không về thăm vợ con và cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống, nhưng anh H không đồng ý ly hôn.

Xét, việc anh H không đồng ý ly hôn nhưng trong thời gian chung sống anh lại thường xuyên bỏ nhà đi, không quan tâm, lo lắng gì đến chị T và con. Mặt khác, từ khi ly thân đến nay anh không liên lạc về thăm gia đình và cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị T. Trong quá trình giải quyết vụ án anh thừa nhận hiện nay anh cũng không còn tình cảm với chị T, lý do anh không đồng ý ly hôn với chị T là vì anh muốn kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục kéo dài đời sống chung cũng không đạt được hạnh phúc nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Chị T và anh H có 03 (ba) người con chung tên Nguyễn Thị Kiều M1, sinh ngày 14-6-2001, Nguyễn Thị Quỳnh M2, sinh ngày 04-11-2003 và Nguyễn Thị Lệ M3, sinh ngày 03-3-2010, hiện chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi hai con chung Nguyễn Thị Quỳnh M2 và Nguyễn Thị Lệ M3 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Thị Kiều M1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị T không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa anh H vắng mặt, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh H có ý kiến đồng ý giao hai cháu Quỳnh M2 và Lệ M3 cho chị T nuôi dưỡng theo yêu cầu chị T, đồng thời không đặt vấn đề yêu cầu giải quyết đối với cháu Kiều M1. Xét yêu cầu của chị T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị T cho rằng chị có khả năng nuôi con nên không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã giải thích chị T biết việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con, nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con nhưng chị T vẫn không yêu cầu cấp dưỡng. Xét việc chị T không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T và anh H xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí);

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên án:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Quỳnh M2, sinh ngày 04-11-2003 và Nguyễn Thị Lệ M3, sinh ngày 03-3-2010 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho anh H không ai được quyền ngăn cản. Các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/003893 ngày 28-3-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ (*công nhận chị T đã nộp xong*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND Quận C;
- Chi Cục THA DS Quận C;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Mộng Tuyền